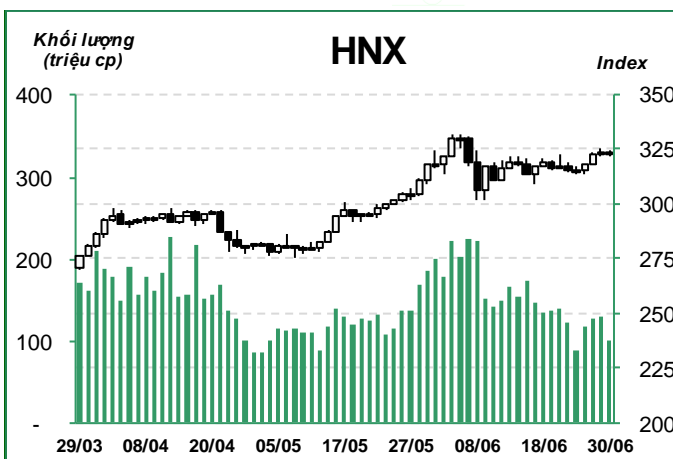
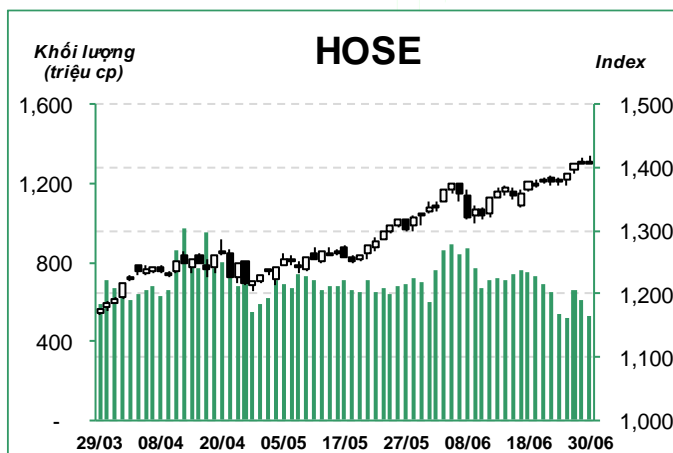


Tổng quan thị trường

30/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,408.55	-0.11%	1,529.00	-0.06%	323.32	-0.15%
Cuối tuần trước	1,390.12	1.33%	1,500.30	1.91%	318.22	1.60%
Trung bình 20 ngày	1,369.12	2.88%	1,486.53	2.86%	317.10	1.96%
Tổng KLGĐ (triệu cp)	595.29	-8.05%	214.50	2.87%	103.12	-22.38%
KLGĐ khớp lệnh	532.32	-12.68%	192.68	-5.34%	99.87	-22.38%
Trung bình 20 ngày	683.40	-22.11%	237.12	-18.74%	141.20	-29.27%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	21,055.87	-1.26%	12,696.32	13.06%	2,404.67	-25.69%
GTGD khớp lệnh	17,735.24	-8.69%	10,602.48	-2.41%	2,301.26	-26.55%
Trung bình 20 ngày	21,236.31	-16.49%	12,161.81	-12.82%	3,324.75	-30.78%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	139	32%	11	37%	86	23%
Số mã giảm	233	54%	15	50%	125	34%
Số mã đứng giá	62	14%	4	13%	155	42%



Sau 3 phiên tăng liên tiếp, thị trường có nhịp đảo chiều giảm điểm trở lại với áp lực bán tăng dần về cuối phiên. Mặc dù số mã giảm điểm luôn chiếm đa số, VN-Index vẫn duy trì sắc xanh trong phần lớn thời gian giao dịch nhờ sự tích cực của các cổ phiếu trụ. Tuy nhiên, với việc thiếu vắng dòng tiền trợ lực, đà tăng của chỉ số nhanh chóng suy yếu trước khi đảo chiều giảm điểm trở lại.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa giảm hơn 1 điểm xuống còn 1,408.55 điểm (-0.11%). Thanh khoản giảm phiên thứ 2 liên tiếp với KLGĐ khớp lệnh đạt 532.3 triệu cổ phiếu (-12.7%), tương đương 17,735 tỷ đồng giá trị (-8.7%). Độ rộng thị trường nghiêng nhiều hơn về cửa bên bán với 233 mã giảm/139 mã tăng.

VN-Index duy trì đà tăng điểm trong phần lớn phiên giao dịch nhờ mức tăng tốt của một số cổ phiếu Bluechips như Vietcombank-VCB (+2.2%), Masan-MSN (+2.7%), Vingroup-VIC (+0.8%), BIDV-BID (+0.7%). Ngoài ra, nhóm ngành bán lẻ cũng có tín hiệu dòng tiền tham gia mua mới ấn tượng với các cổ phiếu tiêu biểu như Thế giới di động-MWG (+3.1%), Vàng Phú Nhuận-PNJ (+1.8%), Thế Giới Số-DGW (+5.0%). Ở chiều ngược lại, Vietinbank-CTG (-2.2%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-2.0%), Techcombank-TCB (-1.3%), Ngân hàng Á Châu-ACB (-2.1%) là những cổ phiếu giảm điểm gây áp lực lớn khiến chỉ số đánh mất đà tăng vào cuối phiên.

Khối ngoại có phiên mua ròng mạnh trên sàn HoSE với giá trị 1,754.7 tỷ đồng. Tuy nhiên, đa phần lượng mua ròng này đến từ giao dịch mua thỏa thuận của khối ngoại với cổ phiếu Novaland-NVL (+1507.1 tỷ). Cùng với đó, Vinhomes-VHM (+216.3 tỷ), Vietcombank-VCB (+133.1 tỷ) và chứng chỉ quỹ FUEVFNVD (+86.2 Tỷ). Trái lại, những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là VPBank-VPB (-273.9 tỷ), MBBank-MBB (-57.3 tỷ) và Vincom Retail-VRE (-29.2 tỷ).

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
NVL	13,487.1	1,633.46
LPB	7,387.6	209.81
VGC	7,205.1	208.95
E1VFN30	4,380.0	113.01
TPB	2,900.0	102.19
HPG	1,926.7	94.83
VCB	569.0	65.59
SVC	858.8	60.12
FUEFVNND	2,100.0	53.82
CTG	1,041.9	53.28
HNX		
VND	1,000.0	41.00
IDC	660.0	23.62
SHB	653.1	18.20
SZB	200.0	7.10
TTC	295.0	3.86
VC3	117.0	2.33
SHS	50.0	2.00
GKM	135.6	1.91
VNR	44.9	1.25
PVS	28.0	0.92

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index chốt phiên gần như không thay đổi so với tham chiếu tại mức 323.32 điểm (-0.15%). KLGĐ khớp lệnh đạt 99.9 triệu cổ phiếu (-22.4%), tương đương 2,301.3 tỷ đồng giá trị (-26.5%).

Bộ đôi cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên sàn HNX là Thaiholdings-THD (+1.4%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.7%) đóng vai trò là trụ cột đỡ chỉ số. Bên cạnh đó, nhóm cổ phiếu ngành than như Than Vàng Danh-TVD (+9.7%), Than Hà Lâm-HLC (+9.0%), Than Đèo Nai-TDN (+7.3%) cũng tiếp tục hưởng ứng đà tăng. Trong khi đó, hầu hết các cổ phiếu trụ còn lại trên sàn đều chốt phiên trong sắc đỏ với Dầu khí PTSC-PVS (-3.4%), Ngân hàng Bắc Á-BAB (-2.2%), Idico-IDC (-1.6%) và Chứng khoán VNDIRECT-VND (-1.8%) là những mã tác động tiêu cực nhất đến chỉ số.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 4.0 tỷ đồng (-67.9%). Với lực bán tập trung ở các cổ phiếu Chứng khoán VNDIRECT-VND (-10.6 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-1.0 tỷ) và Tập đoàn PAN-PAN (-0.8 tỷ). Trong khi đó, Thaiholdings-THD (+5.1 tỷ), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+1.4 tỷ), Chứng khoán Trí Việt-TVB (+0.9 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng chủ yếu bởi khối ngoại.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch suy giảm về mức khá thấp và ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý áp lực bán không quá mạnh. Không những vậy, xu hướng chính của chỉ số vẫn là tăng điểm, khi chỉ số đóng cửa trên MA5, cùng với chùm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ nằm trong nhịp điều chỉnh rung lắc. Tuy nhiên, với hai nến Shooting Star liên tiếp, kèm theo RSI có dấu hiệu suy yếu trên vùng quá mua 70, cho thấy nhịp rung lắc kỹ thuật có thể còn tiếp diễn trong những phiên tới. Do đó, trong trường hợp, chỉ số không thể giữ được trên vùng hỗ trợ tâm lý 1,400 điểm thì có thể chịu sức ép điều chỉnh kỹ thuật về lại vùng hỗ trợ quanh 1,370-1,375 điểm (đỉnh cũ). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên giảm điểm trở lại nhưng vẫn đóng cửa trên MA20, cho thấy phiên giảm điểm có thể chỉ nằm trong nhịp rung lắc kỹ thuật với vùng hỗ trợ quanh 318 điểm (MA20). Nhìn chung, phiên giảm điểm 30/6 có thể chỉ nằm trong nhịp điều chỉnh kỹ thuật. Do đó, nhà đầu tư có thể tận dụng nhịp rung lắc này để tái cơ cấu danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, dự báo kết quả kinh doanh quý 2 tăng trưởng và đang hút được dòng tiền mạnh.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CMV	16.1	2.1	7.0%
TCO	13.8	220.8	7.0%
TGG	9.7	1,139.3	7.0%
PAC	38.5	43.0	6.9%
HVX	6.2	85.4	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TNT	9.1	572.6	-6.9%
UDC	5.9	17.3	-6.9%
VOS	7.4	222.3	-6.9%
PDN	82.0	1.0	-6.8%
FTM	3.3	1,968.7	-6.8%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NVL	121.0	1,944.7	0.2%
CTG	52.7	1,723.5	-2.2%
MBB	43.4	1,138.1	0.0%
HPG	51.5	1,073.0	-0.6%
VPB	67.7	1,040.5	0.6%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CTG	52.7	32,407.9	-2.2%
MBB	43.4	25,995.4	0.0%
SCR	11.9	21,390.1	6.7%
FLC	13.3	21,036.2	-2.6%
HPG	51.5	20,825.8	-0.6%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TC6	7.7	205.1	10.0%
PSE	11.1	72.7	9.9%
MIM	8.9	3.1	9.9%
DNC	53.8	0.1	9.8%
PTI	31.5	1.2	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
THS	19.1	0.1	-9.9%
L40	30.6	0.3	-9.7%
DL1	8.4	253.8	-9.7%
VE3	7.7	19.1	-9.4%
VFG	51.2	0.1	-9.4%

Top 5 giá trị

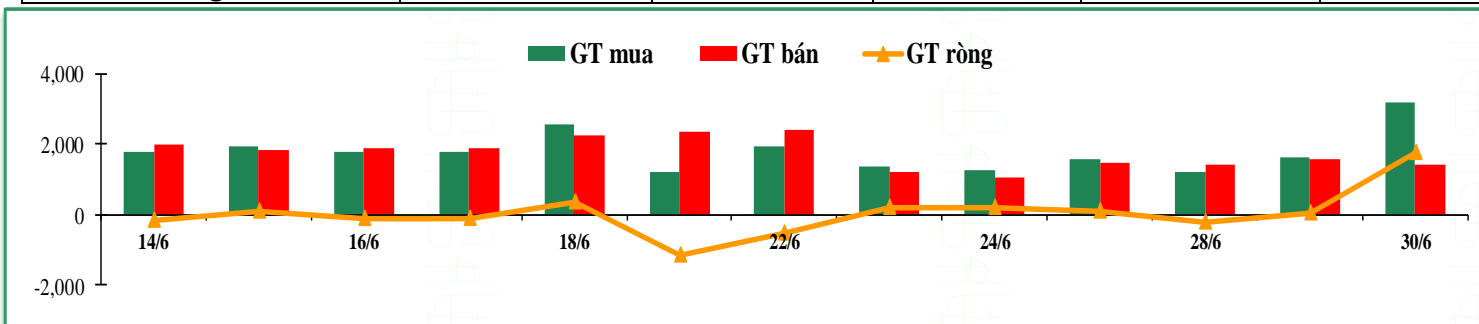
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	28.7	516.9	0.7%
PVS	28.8	344.6	-3.4%
VND	44.4	289.8	-1.8%
SHS	44.0	187.5	0.0%
THD	207.1	139.7	1.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	28.7	18,234.2	0.7%
PVS	28.8	11,725.1	-3.4%
VND	44.4	6,558.3	-1.8%
NVB	19.3	5,765.3	-1.0%
KLF	5.1	5,013.0	-1.9%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	3,178.1	15.1%	1,423.4	6.8%	1,754.7
HNX	13.7	0.6%	17.8	0.7%	-4.0
Tổng số	3,191.9		1,441.2		1,750.7



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NVL	121.0	1,589.0	0.2%
VHM	118.0	279.5	-0.4%
HPG	51.5	179.4	-0.6%
VCB	116.4	174.4	2.2%
E1VFN30	25.8	123.8	0.2%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	67.7	273.9	0.6%
HPG	51.5	166.7	-0.6%
E1VFN30	25.8	127.2	0.2%
MBB	43.4	83.7	0.0%
NVL	121.0	82.0	0.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
NVL	121.0	1,507.1	0.2%
VHM	118.0	216.3	-0.4%
VCB	116.4	133.1	2.2%
FUEVFVND	25.7	86.2	-0.2%
BID	47.3	58.5	0.7%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	207.1	5.1	1.4%
SHB	28.7	1.7	0.7%
TVB	15.2	1.0	-1.3%
VND	44.4	0.6	-1.8%
PVI	41.8	0.6	-1.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	44.4	11.2	-1.8%
BVS	30.1	1.2	-2.0%
PAN	27.1	0.8	-2.9%
PVS	28.8	0.7	-3.4%
VCS	108.8	0.6	-0.5%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	207.1	5.1	1.4%
SHB	28.7	1.4	0.7%
TVB	15.2	0.9	-1.3%
PVI	41.8	0.6	-1.6%
MAS	44.0	0.5	0.0%

Tin trong nước

Việt Nam nhập siêu 1,47 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm

Theo dữ liệu mới nhất về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2021 của Tổng cục Thống kê, kim ngạch xuất, nhập khẩu tháng 6/2021 giảm nhẹ so với tháng trước, tuy nhiên vẫn đạt tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước.

Cụ thể, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 6/2021 ước tính đạt 54 tỷ USD, tăng 25% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 316,73 tỷ USD, tăng 32,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Về xuất khẩu

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 157,63 tỷ USD, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 6 tháng, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản ước tính đạt 84 tỷ USD, tăng 29,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2021, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 44,9 tỷ USD, tăng 42,6% so với cùng kỳ năm trước.

Về nhập khẩu

Tính chung nửa đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 159,1 tỷ USD, tăng 36,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong 6 tháng đầu năm 2021 đã có 31 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 87,4% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2021, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 149,32 tỷ USD, tăng 36,7% so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2021 ghi nhận mức tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2020. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 53,4 tỷ USD, tăng 53% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn chung 6 tháng đầu năm 2021, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu đạt 1,47 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 5,86 tỷ USD).

Thu NSNN 6 tháng đầu năm ước đạt 775 nghìn tỷ đồng, vượt hơn 50% dự toán năm

Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2021 ước tính đạt 775 nghìn tỷ đồng, bằng 57,7% dự toán năm. trong đó: Thu nội địa đạt 633,1 nghìn tỷ đồng, bằng 55,9%. Thu từ dầu thô 18,5 nghìn tỷ đồng, bằng 79,8%. Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 122,8 nghìn tỷ đồng, bằng 68,8%.

Tổng chi ngân sách nhà nước ước tính đạt 694,4 nghìn tỷ đồng, bằng 41,2% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 501 nghìn tỷ đồng, bằng 48,3%; chi đầu tư phát triển 133,9 nghìn tỷ đồng, bằng 28,1%; chi trả nợ lãi 56,8 nghìn tỷ đồng, bằng 51,6%.

Nguồn: Cafef

Tin doanh nghiệp niêm yết

VietinBank ước lợi nhuận 6 tháng đầu năm đạt 13.000 tỷ đồng

Sáng nay (30/6), Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank - CTG) đã tổ chức Hội nghị sơ kết hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm.

Ông Lê Đức Thọ - Chủ tịch HĐQT VietinBank cho biết, lợi nhuận 6 tháng đầu năm ước đạt 13.000 tỷ đồng. Kết quả kinh doanh chuyển biến tích cực với việc kiểm soát tốt chi phí, chất lượng tín dụng,..

Trước đó, VietinBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế quý 1/2021 đạt 8.060 tỷ đồng. Theo đó, ước tính lợi nhuận quý 2/2021 của ngân hàng đạt khoảng 5.000 tỷ, tăng khoảng 10% so với quý 2/2020. Tỷ lệ nợ xấu cuối quý 2 của VietinBank ở mức 1,38%, khá thấp so với trung bình của ngành.

Ông Trần Minh Bình - Tổng Giám đốc VietinBank cho biết, tổng tài sản ngân hàng riêng lẻ cuối quý 2 đạt 1,4 triệu tỷ. Dự nợ tín dụng đạt 1,06 triệu tỷ.

Hợp ĐHCĐ Gemadept: Lợi nhuận trước thuế 6 tháng tăng 38%, Gemalink dự kiến lãi năm nay

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Gemadept (HoSE: GMD) diễn ra sáng nay 30/6. Năm 2021, kế hoạch kinh doanh với hai kịch bản tăng trưởng. Trong kịch bản lạc quan, GMD dự kiến doanh thu đạt 2.800 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 700 tỷ đồng; tăng trưởng lần lượt 7% và 37%. Ở kịch bản trung bình, công ty dự kiến doanh thu tăng 4% đạt 2.700 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 630 tỷ đồng, tăng 23%.

Kế hoạch năm 2021 tăng trưởng mạnh đến từ động lực chính là khởi khai thác cảng. Công ty đặt mục tiêu tăng thị phần khai thác cảng từ 11% năm 2020 lên 19% năm 2021 và đạt 23% vào năm 2025.

Trong quý I, sản lượng tại Gemalink ước đạt hơn 100.000 teus. Ước trong 6 tháng đầu năm, sản lượng Gemalink tiếp tục tăng, ước đạt 300.000-320.000 teus. Dự kiến cả năm sản lượng tại Gemalink có thể đạt 900.000-1.100.000 teus.

Sợi Thế Kỳ chốt quyền chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 15%

Sợi Thế Kỳ (HoSE: STK) thông báo ngày 14/7 đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông chia cổ tức năm 2020 tỷ lệ 15% bằng tiền mặt. Với 68 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Sợi Thế Kỳ sẽ chi khoảng 102 tỷ đồng để thanh toán cổ tức 2020. Ngày thanh toán là 2/8.

Năm 2020, chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, doanh nghiệp sợi ghi nhận doanh thu giảm 21% xuống 1.767 tỷ đồng; lãi sau thuế 144 tỷ đồng, giảm 33% xuống 144 tỷ đồng. Theo đó, HĐQT đã trình và được cổ đông thông qua phương án chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 15%.

Dù dịch Covid-19 còn tiếp diễn nhưng nhu cầu phục hồi, đơn hàng tăng lên, ban lãnh đạo Sợi Thế Kỳ đề ra mục tiêu doanh thu 2021 tăng 34% đạt 2.358 tỷ đồng; lãi sau thuế tăng 72% đạt 248 tỷ đồng – cao hơn mức trước dịch (2019).

Nguồn: Cafef, NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PVS	Chốt lời	01/07/21	28.8	21.8	32.1%	31.3	43.6%	20.5	-6.0%	Quay lại xu hướng điều chỉnh
2	POW	Bán	01/07/21	12.05	12.4	-2.8%	14.3	15.3%	11.7	-5.6%	Xu hướng suy yếu
3	CTG	Bán	01/07/21	52.7	51.9	1.5%	58.2	12.1%	49.4	-4.8%	Áp lực điều chỉnh gia tăng

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	PVT	Quan sát mua	01/07/21	21	23 25	Nhịp điều chỉnh tích lũy khá tích cực với vol giảm thấp dần + hỗ trợ 20-21 -> cơ hội có thể sớm bật tăng trở lại, cần phiên tăng tốt kèm vol cao trở lại để xác nhận
2	HAX	Quan sát mua	01/07/21	23.4	28	Khả năng đang trong nhịp retest đáy cũ + hai nền gần đây vol cao nhưng ko giảm mạnh cho khả năng dòng tiền tham gia -> có cơ hội tạo đáy quanh đây, cần phiên tăng vượt 24.1 để xác nhận

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Nắm giữ	28/04/21	60	49.9	20.2%	66	32.3%	47	-6%	
2	VRE	Mua	10/06/21	31.75	31.7	0.2%	36	13.6%	30	-5%	
3	KBC	Mua	15/06/21	38.4	35.4	8.5%	42	19%	33.3	-6%	
4	VCS	Mua	16/06/21	108.8	103.7	4.9%	122	18%	97.8	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

5	VNM	Mua	21/06/21	90.4	92.1	-1.8%	101.5	10%	88.6	-4%
6	HPG	Mua	29/06/21	51.5	52.4	-1.7%	60	15%	49.8	-5%
7	TLH	Mua	29/06/21	17.4	17.8	-2.2%	20.25	14%	16.7	-6%
8	CNG	Mua	30/06/21	24.2	24.2	0.0%	26.5	10%	23.5	-3%

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 30/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2101	1,500	4,390	0.5%	193%	25,060	5	88,000	4,596	206	MBS	FPT	64,120	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,000	-13.8%	200%	2,770	84	35,500	1,154	(1,846)	KIS	HDB	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2101	1,050	8,150	0.0%	676%	3,470	84	51,500	5,931	(2,219)	KIS	HPG	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	29,300	-0.7%	344%	1,700	5	51,500	30,527	1,227	ACBS	HPG	30,140	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	13,500	-1.8%	246%	6,320	6	51,500	13,754	254	VND	HPG	30,880	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	7,200	-13.3%	380%	11,500	5	51,500	8,441	1,241	MBS	HPG	32,940	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,020	-1.4%	434%	11,010	40	51,500	13,795	(2,225)	HCM	HPG	30,880	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	12,800	1.5%	212%	6,270	58	51,500	9,810	(2,990)	MBS	HPG	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	4,810	-3.8%	270%	26,190	43	51,500	2,151	(2,659)	KIS	HPG	43,650	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	4,710	-3.7%	293%	21,880	43	51,500	2,135	(2,575)	KIS	HPG	43,710	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,700	1.7%	131%	1,700	47	37,550	3,547	(153)	KIS	KDH	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,900	-3.3%	190%	2,210	84	37,550	1,644	(1,256)	KIS	KDH	30,300	4.5	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,300	1.3%	89%	5,630	44	37,550	5,196	(104)	MBS	KDH	28,270	1.8	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMBB2101	1,600	8,320	0.9%	420%	32,790	6	43,350	8,680	360	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,170	3.9%	164%	5,570	43	43,350	897	(2,273)	KIS	MBB	34,470	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,700	0.0%	157%	2,390	84	111,400	613	(2,087)	KIS	MSN	100,000	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,240	-3.0%	124%	1,180	84	111,400	208	(2,032)	KIS	MSN	111,110	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	4,100	-9.3%	37%	17,700	44	111,400	3,938	(162)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2101	2,400	3,100	8.8%	29%	22,350	6	152,000	3,504	404	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,850	12.3%	128%	14,230	33	152,000	6,447	(403)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	2,020	14.1%	6%	38,340	5	152,000	2,354	334	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	6,800	0.6%	183%	16,040	(100)	152,000	(46)	(6,846)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	3,700	5.7%	25%	19,150	58	152,000	2,619	(1,081)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	1,000	5,650	-0.5%	465%	29,460	84	121,000	5,508	(142)	KIS	NVL	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,830	-0.8%	248%	20,360	89	121,000	2,276	(1,554)	KIS	NVL	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	4,100	-9.9%	273%	24,350	58	93,400	1,071	(3,029)	KIS	PDR	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,700	-9.4%	327%	6,700	89	93,400	1,256	(3,444)	KIS	PDR	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,090	0.5%	23%	26,550	6	100,100	2,311	221	VND	PNJ	77,250	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	4,850	5.4%	143%	11,470	33	100,100	4,205	(645)	VCI	PNJ	79,230	5.0	02/08/2021
CREE2101	2,300	2,240	-1.8%	-3%	42,840	6	57,700	2,429	189	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,300	0.9%	109%	1,340	84	21,000	8	(2,292)	KIS	SBT	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,250	-1.3%	525%	4,280	84	30,600	4,354	(1,896)	KIS	STB	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,150	-2.1%	411%	11,810	40	30,600	6,321	(829)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,000	-3.0%	150%	5,080	58	30,600	7,778	(2,222)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	30,960	-1.5%	473%	3,690	30	52,700	30,739	(221)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	24,200	-1.0%	384%	2,550	97	52,700	21,876	(2,324)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,020	-1.0%	249%	20,590	6	52,700	8,356	336	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,150	-2.7%	216%	7,770	40	52,700	8,642	(508)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	6,000	-18.9%	200%	8,230	58	52,700	3,530	(2,470)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	1,150	-11.5%	-28%	39,140	47	21,850	18	(1,132)	KIS	TCH	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,100	-8.7%	110%	3,930	84	21,850	55	(2,045)	KIS	TCH	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	1,010	-35.7%	-63%	15,550	44	21,850	1	(1,009)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,130	-1.7%	-6%	14,510	43	21,850	(0)	(1,130)	KIS	TCH	31,670	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	2,870	-4.3%	161%	3,200	84	118,000	746	(2,124)	KIS	VHM	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,950	1.7%	55%	50,180	6	118,000	3,103	153	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,000	-4.5%	88%	14,310	40	118,000	2,023	(977)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	2,000	-32.2%	33%	11,450	44	118,000	1,597	(403)	MBS	VHM	105,500	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,390	-1.7%	161%	23,120	43	118,000	159	(3,231)	KIS	VHM	118,670	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	2,600	-5.1%	160%	7,720	84	119,000	49	(2,551)	KIS	VIC	126,890	20.0	22/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVIC2103	1,100	2,200	-3.9%	100%	7,130	89	119,000	0	(2,200)	KIS	VIC	165,900	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	1,990	5.3%	81%	7,980	84	90,400	0	(1,990)	KIS	VNM	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	90	-40.0%	-95%	45,630	6	90,400	0	(90)	VND	VNM	107,650	9.8	06/07/2021
CVNM2104	1,480	1,650	-27.0%	11%	9,230	75	90,400	4	(1,646)	MBS	VNM	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,740	-0.6%	58%	11,170	89	90,400	0	(1,740)	KIS	VNM	117,930	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	41,680	1.2%	644%	1,810	30	67,700	41,746	66	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	14,490	0.0%	400%	4,330	6	67,700	15,357	867	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	14,030	-8.6%	420%	16,600	40	67,700	15,643	1,613	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,000	-6.0%	220%	6,050	58	67,700	6,289	(1,711)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	5,500	0.0%	10%	16,950	30	31,750	4,298	(1,202)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,200	0.0%	83%	2,970	84	31,750	59	(2,141)	KIS	VRE	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	520	4.0%	-71%	21,490	6	31,750	440	(80)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	1,270	1.6%	-2%	24,690	40	31,750	103	(1,167)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	1,500	-25.0%	-50%	10,120	44	31,750	12	(1,488)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
TPB	(New) HOSE	36,750	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2	0%
KDC	(New) HOSE	61,800	65,200	24/06/2021	510	1,800	32,806	7%	4%	37.1	2.8	6%
KDH	(New) HOSE	37,550	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6	-
SZC	(New) HOSE	38,600	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3	10%
GMD	(New) HOSE	43,000	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA	HOSE	19,500	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG	HOSE	39,000	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE	HOSE	31,750	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM	HOSE	118,000	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR	HOSE	56,600	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR	HOSE	35,000	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
KBC	HOSE	38,400	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE	HOSE	57,700	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV	HOSE	34,200	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC	HOSE	45,500	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC	HOSE	36,700	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC	UPCOM	40,300	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP	HOSE	79,800	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG	HOSE	95,600	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT	HOSE	27,100	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW	HOSE	129,600	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ	HOSE	100,100	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG	HOSE	152,000	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB	HOSE	169,100	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN	HOSE	111,400	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM	HOSE	90,400	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM	HOSE	90,200	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK	HOSE	40,000	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

NVL		HOSE	121,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	43,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	116,400	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	35,700	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	52,700	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	17,300	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	59,300	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	64,700	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	88,000	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	19,000	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	40,050	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	75,300	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	54,800	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	21,000	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	40,900	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	93,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	61,000	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	22,900	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	59,600	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	21,000	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	18,550	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	45,350	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	70,800	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,050	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.